

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26-5-2023

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn San và bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1986.

ĐKHKTT: thôn N, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N** (tức **Tổng Văn N**), sinh năm 1980.

Quê quán: thôn N, xã ĐĐ (nay là xã Đ), Tứ Kỳ, Hải Dương;

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: 6...B/.. KV., phường B, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.

+ Người được anh Nguyễn Văn N (tức **Tổng Văn N**) ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng: Chị **Tổng Thị D**, sinh năm 1974, trú tại: thôn N, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1964;

+ Chị **Nguyễn Thị Minh A**, sinh ngày 28/12/2003

+ Ông **Nguyễn Thanh X**, sinh năm 1956

Đều ĐKHKTT: thôn N, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chị T có mặt, anh N, chị D, ông T, chị A, ông X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N (tức Tổng Văn N) kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐĐ (nay là xã Đ), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 20/02/2003. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh N tự khai họ Tổng (khai theo họ của bố anh N, vì nghĩ rằng bố là Tổng Đăng V thì mình cũng họ Tổng). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được thời gian khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, từ đó liên tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng. Do mâu thuẫn vợ chồng quá lớn, nên năm 2005, chị đã làm đơn xin ly hôn anh N, giải quyết về vấn đề con chung, chia tài sản và TAND huyện Tứ Kỳ đã thụ lý vụ án và đang giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đã thỏa thuận, phân chia xong về tài sản, sau đó vì điều kiện công việc không thể tham gia tố tụng được, chị xin rút đơn và TAND huyện Tứ Kỳ đã đình chỉ giải quyết vụ án. Cùng từ thời điểm trên, anh N đi làm ăn và ở hẳn trong phường B, TP Cần Thơ từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định vợ chồng đã sống ly thân gần 20 năm nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 28/12/2003, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N (tức Tổng Văn N) trình bày:* Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị T đã trình bày. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh khai họ của mình theo họ của bố đẻ là Tổng vì bố anh là Tổng Đăng V, thực tế sau khi bố mẹ bỏ nhau, gia đình đã cải chính họ và lấy tên theo họ mẹ là Nguyễn nên chứng minh nhân dân của anh là Nguyễn Văn N. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở địa phương khoảng hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi lộn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng quá lớn nên từ năm 2005, anh đã đi làm ăn, sinh sống ở TP Cần Thơ đến nay, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Trước khi chị T gửi đơn xin ly hôn, chị T có trao đổi với anh và anh đã có đơn lựa chọn TAND huyện Tứ Kỳ là nơi chị T cư trú để giải quyết vụ việc cho thuận tiện. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn xin ly hôn, anh nhất trí để giải thoát cho nhau khỏi sự ràng buộc.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 28/12/2003, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kết quả làm việc với ông Nguyễn Văn T (bố đẻ chị T), ông Nguyễn Thanh X (là em ruột bà C và là cậu ruột anh N), chị Tổng Thị D (là chị ruột anh N) đều xác định: Bố mẹ đẻ anh N là ông Tổng Đăng V và bà Nguyễn Thị C sinh được anh N và chị D.

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh N với chị T đúng như anh chị đã trình bày, không biết thời điểm đăng ký kết hôn thì anh N khai họ, ngày tháng sinh trong giấy đăng ký kết hôn như thế nào. Sau này được biết anh N khai họ trong giấy kết hôn là Tống Văn N, sinh tháng 08/1980 nhưng các giấy tờ tùy thân của anh N đều ghi là Nguyễn Văn N, sinh ngày 01/10/1980. Nguyên nhân có thể trước đây, khi đi đăng ký kết hôn, anh N nghĩ bố mình họ Tống nên mình cũng họ Tống nên khai như vậy, cán bộ đăng ký kết hôn của UBND xã ĐĐ lúc đó cũng không kiểm tra kỹ nên cứ thế đăng ký kết hôn cho anh ấy. Tuy nhiên các giấy tờ tùy thân trước đó anh N đã thay đổi họ của bố sang họ mẹ (có thể do anh N ghét bố vì bố bỏ mẹ đi lấy vợ khác) nên anh N và gia đình ở quê đã tự đổi họ cho anh ấy từ họ Tống sang họ Nguyễn. Chính vì vậy mà chứng minh nhân dân cũ làm năm 1997, căn cước công dân mới, giấy khai sinh của con chung là cháu Nguyễn Thị Minh A đều thể hiện bố là Nguyễn Văn N, sinh ngày 01/10/1980 chứ không phải họ Tống Văn N, còn chị D vẫn giữ họ bố là Tống Thị D; Dù là Tống Văn N, sinh tháng 08/1980 trong trích lục kết hôn với Nguyễn Văn N, sinh ngày 01/10/1980 trên các giấy tờ tùy thân và đơn lựa chọn Tòa án giải quyết vụ án có chữ ký và dán ảnh 4x6cm của anh Nguyễn Văn N, có xác nhận của UBND phường B, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ là có khác nhau về họ và ngày tháng sinh nhưng đều là một người và là người đã kết hôn với chị Nguyễn Thị T. Về mâu thuẫn vợ chồng thì đúng như anh chị đã xác định. Do mâu thuẫn căng thẳng, nên năm 2005, chị T đã làm đơn xin ly hôn anh N tại Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ. Quá trình giải quyết vụ án, anh N có ủy quyền cho ông X đứng ra giải quyết về tài sản, ông X đại diện theo ủy quyền của anh N và chị T đã tự thỏa thuận, phân chia xong về tài sản của vợ chồng (có biên bản thỏa thuận) trong hồ sơ vụ án. Chị D bổ sung: khi chị T làm đơn xin ly hôn anh N, anh N đã liên hệ và gửi bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt gửi về cho chị và có giấy ủy quyền cho chị về việc giao, nhận văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đều thông báo kịp thời cho anh N biết. Thông qua đơn đề nghị, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, do ở xa không về được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

+ Kết quả làm việc với chị Nguyễn Thị Minh A (con của chị T, anh N) xác định: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa bố và mẹ chị cũng như quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn đúng như bố mẹ chị đã trình bày. Chị không biết khi đăng ký kết hôn, bố chị khai họ là gì, nhưng trong giấy khai sinh bản gốc của chị thể hiện bố chị là Nguyễn Văn N, sinh tháng 8/1980. Chị đã được Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ cho xem đơn lựa chọn Tòa án giải quyết vụ án có chữ ký và dán ảnh 4x6cm của bố chị Nguyễn Văn N, có xác nhận của UBND phường B, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ; căn cước công dân (bản công chứng); tờ khai chứng minh nhân dân và bản tra cứu dữ liệu quốc gia về dân cư có ảnh của bố chị (bản pho to). Chị xác định đây chính là bố đẻ chị Nguyễn Văn N, người mà đã từng kết hôn với mẹ chị tại UBND xã ĐĐ (nay là xã Đ), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 20/02/2003.

+ Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể xã Đ, trưởng thôn N và cán bộ thời điểm đăng ký kết hôn đều cung cấp: UBND xã ĐĐ (nay là xã Đ) xác nhận ngày 20/02/2003 có đăng ký kết hôn cho chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/02/1985 và anh Tống Văn N, sinh tháng 8/1980. Bản chất anh N là họ Tống theo họ cha vì bố đẻ anh N là Tống Đăng V, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị C. Do bố mẹ anh N có nhiều mâu thuẫn, đã ly hôn, anh N ở với mẹ, có thể anh N cho rằng bố đã bỏ mẹ nên sau này gia đình đã thay đổi họ tịch từ họ bố sang họ mẹ, nên khi làm giấy tờ cấp chứng minh nhân dân lấy họ là Nguyễn Văn N, sinh ngày 01/10/1980. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh N khai là Tống Văn N, sinh tháng 08/1980 là theo họ bố, chị Nguyễn Thị T khai sinh ngày 03/02/1985, cán bộ đăng ký kết hôn cũng không kiểm tra kỹ các giấy tờ tùy thân của anh chị ấy nên cũng ghi vào giấy đăng ký kết hôn là sai về họ và sai tháng sinh của anh N và sai về ngày tháng năm sinh của chị T so với các giấy tờ tùy thân. Qua đơn lựa chọn Tòa án giải quyết vụ án của anh N có dán ảnh, các giấy tờ tùy thân của anh N, chị T trước và sau khi đăng ký kết hôn, địa phương và các cán bộ đăng ký kết hôn thời điểm năm 2003 đều thống nhất xác định: Anh Tống Văn N, sinh tháng 10/1980, chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/02/1985 trên giấy đăng ký kết hôn và anh Nguyễn Văn N, sinh ngày 01/10/1980, chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/6/1986 trên căn cước công dân gắn chip và các giấy tờ tùy thân đều là một người, anh chị đã được UBND xã ĐĐ (nay là UBND xã Đ) đăng ký kết hôn ngày 20/02/2003.

Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương và hạnh phúc được khoảng 03 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Do mâu thuẫn vợ chồng quá lớn, nên năm 2005, chị T đã làm đơn xin ly hôn anh N, anh N đi làm ăn trong TP Cần Thơ nhưng đã có văn bản lựa chọn TAND huyện Tứ Kỳ giải quyết vụ việc. Quá trình giải quyết, anh N còn ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh X đứng ra giải quyết về tài sản, hai bên đã thỏa thuận phân chia xong về tài sản. Nhưng sau đó không biết vì lý do gì, chị T rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, và anh chị tiếp tục sống ly thân từ đó đến nay, hiện anh N làm ăn, sinh sống tại phường B, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ, còn chị T vẫn sinh sống ở địa phương, vợ chồng không đoàn tụ với nhau.

Mặc dù tại thời điểm đăng ký kết hôn có thể do chị T chưa đủ tuổi, nhưng sau đó anh chị không có ý kiến gì về việc chị T kết hôn chưa đủ tuổi. Do anh chị đã ly thân gần 20 năm nay, anh N cũng nhất trí ly hôn chị T và có đơn lựa chọn TAND huyện Tứ Kỳ giải quyết vụ án cho anh chị ấy. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ấy ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Về con chung, anh N, chị T có một con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 28/12/2003, hiện cháu đã trưởng thành nên Tòa án không phải giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh N vắng mặt và đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N (tức Tổng Văn N); Về con chung: không phải giải quyết; Về tài sản chung: anh chị không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T, anh N có văn bản thỏa thuận, lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ là nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Bị đơn anh Nguyễn Văn N (tức Tổng Văn N) đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ và đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về họ và ngày tháng sinh của anh N và ngày tháng năm sinh của chị T là có mâu thuẫn so với các giấy tờ tùy thân, tuy nhiên các đương sự và những người thân trong gia đình cũng như chính quyền địa phương đều khẳng định anh Tổng Văn N, sinh tháng 10/1980, chị Nguyễn Thị T sinh ngày 03/02/1985 trên giấy đăng ký kết hôn và anh Nguyễn Văn N, sinh ngày 01/10/1980 và chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/6/1986 trên căn cước công dân gắn chip và các giấy tờ tùy thân khác đều là một người, đã được UBND xã ĐĐ (nay là UBND xã Đ), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn ngày 20/02/2003. Mặc dù tại thời điểm kết hôn, chị T chưa đủ tuổi, tuy nhiên trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện, quá trình chung sống đến nay anh chị đều không có ý kiến gì về việc kết hôn chưa đủ tuổi là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận được khoảng vài năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, vì vậy mà thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống căng thẳng. Chính vì lý do nên năm 2005, chị T đã làm đơn xin ly hôn anh N, do anh N cũng có đơn lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn cư trú nên TAND huyện Tứ Kỳ đã thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đã tự thỏa thuận, phân chia xong về tài sản. Sau đó, chị T rút đơn, anh N không có ý kiến gì nên TAND huyện Tứ Kỳ đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 10/2005/QĐ-HNGĐ-ST ngày 26/12/2005. Cũng từ đó, anh N, chị T mỗi người sống

một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau. Lời trình bày của chị T, anh N phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương và các đoàn thể, phù hợp với nội dung cung cấp của những người thân hai bên gia đình và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án năm 2005 mà Tòa án còn lưu trữ. Đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 28/12/2003, hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên Tòa án không phải giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T, anh N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N (tức Tổng Văn N).

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai số AA/2021/0003312 ngày 22/3/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
 - Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
 - UBND xã Đ, huyện Tứ Kỳ;
 - Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;
- ỘI THẨM NHÂN DÂN**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân